TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/HS-ST
Ngày 13/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Y**;

Bà **Dương Thị Thu Vân**;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ Thị Thu Ngân –** Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2020/HS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HS ngày 27/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê P L**, sinh ngày 25/11/1992

- Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác: Không;

- Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp T Đ, xã T C N, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: Không;

- Trình độ văn hoá: 9/12;

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Con ông: Nguyễn Văn Q (đã chết); và bà Lê Thị X, sinh năm: 1952;

- Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/03/2020, chuyển tạm giam ngày 19/3/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Lê N B**, sinh ngày 09/8/2000

- Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác: không;

- Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp T Đ, xã T C N, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: Không;

- Trình độ văn hoá: lớp 6/12;

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1965và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967.

- Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành và Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: **Trần Văn Đ**, sinh ngày 06/4/1996;

- Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác: không;

- Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: Không;

- Trình độ văn hoá: 01/12;

- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

- Con ông Trần Văn H (đã chết); và bà Nguyễn Thị K T, sinh năm 1970

- Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 26/QĐ-TA ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, thời hạn là 18 tháng, chấp hành kể từ ngày 19/3/2020.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

* *Bị hại*:

1. Phạm Thị N, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T Đ, xã T C N, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Trần Văn T, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã T , huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Trần Đ H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Trú tại: ấp R, thị trấn T H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Trịnh T T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã T C N, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3. Lương T T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã Tân L Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4. Lê N T, sinh ngày 01/3/2004; Trú tại: ấp T Đ, xã T C N, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp T 2, xã Tân L Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp T Đ, xã T C N, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Có mặt: anh T, ông Đ, bà T).

5. Lê Thị T A, sinh năm 1991 (có mặt)

Trú tại: ấp T Đ, xã T C N, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

6. Lê Văn Đ, sinh năm 1965 (có mặt).

Trú tại: ấp T 2, xã Tân L Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên khoảng 08 giờ ngày 14 tháng 02 năm 2020 bị cáo Lê P L rủ bị cáo Lê N B đi tìm tài sản để trộm nhưng B chưa đồng ý vì ban ngày sợ bị phát hiện. Bị cáo L nói biết chỗ trộm không có người trông coi nên kêu B chở đến chỗ rồi quay về nhà bị cáo Trần Văn Đ chờ, khi nào bị cáo L điện T thì đến rước nên B đồng ý. Bị cáo B điều khiển xe môtô biển số 66L1-132.97 chở bị cáo L đi ngang nhà bà Phạm Thị N, ngụ ấp T Đ - xã T C N - huyện Châu Thành - tỉnh Tiền Giang thì thấy bà Nh vừa đi khỏi nhà. Bị cáo B chạy về nhà Đ chờ, còn Bị

cáo L bẻ cong các song sắt cửa sổ để đột nhập vào nhà bà N lấy trộm được 01 (một) đồng hồ quả lắc bỏ vào 01 cái bao và 01 (một) máy tính bảng giấu vào trong người. Bị cáo L mang đồng hồ giấu vào bụi tre gần đó rồi điện T cho bị cáo B đến rước. Bị cáo L đi bộ về đến cầu Bến Lội thì gặp B chở về nhà Đ cất máy tính bảng. Sau đó Bị cáo L cùng bị cáo B quay lại bụi tre chở đồng hồ về nhà bị cáo Đ.

Bị cáo L kêu bị cáo B đi tìm Đ về nhà. Khi đó, Bị cáo L có chỉ và nói cho Đ biết đồng hồ và máy tính bảng mới vừa trộm được. Bị cáo Đ và bị cáo B mang máy tính bảng bán ở cửa hàng điện T "T T" do anh Nguyễn T T làm chủ được 1.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, bị cáo L mang đồng hồ đi bán cho ông Trần Đ H được 1.800.000 đồng. Số tiền có được bị cáo L cho bị cáo B 300.000 đồng, mua ma túy để các bị cáo L, B, Đ cùng sử dụng và bị cáo L tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, qua điều tra L và B còn khai nhận, vào đêm 09 rạng sáng ngày 10 tháng 02 năm 2020 bị cáo L rủ B đi tìm tài sản để trộm thì bị cáo B đồng ý. Bị cáo B điều khiển xe 66L1-132.97 chở L đi đến khu vực nhà trọ "C T", tọa lạc tại ấp T P -–xã T H - huyện Châu Thành - tỉnh Tiền Giang. Bị cáo B đứng bên ngoài, bị cáo L đi vào khu nhà trọ lén lút lấy trộm 01 xe môtô biển số 71B2-952.66 của anh Trần Văn T. Sau đó cả hai về khu vực gò mã gần nhà bị cáo Đ, bị cáo L tháo bỏ biển số 71B2-952.66 rồi mượn biển số 66L1-132.97 của bị cáo B gắn vào xe vừa trộm được, mượn giấy đăng ký xe của B để mang xe đi cầm cho anh Lương T T được 2.000.000 đồng, bị cáo L tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo L đưa biên nhận cầm xe cho bị cáo B cất giữ, sau đó B đưa cho em ruột tên Lê Ngọc T để chuộc xe làm phương tiện đi lại.

Tại bản kết luận định giá số 38 ngày 13/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành, kết luận: 01 đồng hồ quả lắc, thùng bằng gỗ, kích thước 75x35x18 cm, mặt đồng hồ có ghi chữ Verntable West sminster, mặt đồng hồ không có kính B vệ, mặt trước có ốp kính hình hoa văn màu đỏ-trắng, đồng hồ ngưng hoạt động có giá trị là 4.000.000 đồng; 01 (một) Ipad vỏ màu trắng có giá trị 2.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 42 ngày 19/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận: 01 xe môtô hai bánh hiệu CUPFA, loại xe Wave màu đỏ,

có gắn biển số 66L1-132.97, số máy FMH35A2C2208, số khung H8PD5A0C2208 có giá trị là 4.000.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản hai bị cáo Lê P L và Lê N B chiếm đoạt là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKSCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố: Hai bị cáo Lê P L, Lê N B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Văn Đ về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố vẫn giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê P L từ 09 tháng đến 12 tháng tù và bị cáo Lê N B từ 07 tháng đến 09 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 06 tháng đến 07 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường xong giữa gia đình các bị cáo và bị hại.

Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) đoạn camera ghi nhận hình ảnh của đối tượng đột nhập vào nhà của bà Phạm Thị N trộm cắp tài sản vào ngày 14/02/2020; 01 (một) tấm ảnh màu kích thước 9x12.5 cm hình đồng hồ quả lắc, mặt trước có hoa văn màu đỏ, mặt sau ảnh có chữ ký của bà Phạm Thị N ; 01 (một) giấy đăng ký xe môtô biển số 66L1-132.97; 02 (hai) tấm ảnh màu kích thước 9x12.5 cm hình 02 thanh niên tại tiệm điện T di động, trên tủ kính trưng bày có 01 Ipad vỏ màu trắng, mặt sau ảnh có chữ ký của Trịnh T T.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) cái áo khoát màu đen loại của nam, trên ngực áo có sọc ngang màu vàng bên trên có ghi chữ NON-GRADA GLOBAL STREET VISION; 01 (một) cái bao nylon kích thước 85x58 cm màu trắng, có dính nhiều vết bẩn.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: các bị cáo rất ăn năn hối hận và đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại: Xét thấy không làm trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 09/02/2020 và 14/02/2020, tại ấp T Đ - xã T C N và ấp T P - xã T H - huyện Châu Thành - tỉnh Tiền Giang; Hai bị cáo Lê P L và Lê N B đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản là xe môtô biển số 71B2-952.66 của anh Trần Văn T; 01 đồng hồ quả lắc và 01 máy tính bảng của bà Phạm Thị N . Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được định giá có tổng giá trị là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê P L và bị cáo Lê N B phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Cùng ngày 14/02/2020, sau khi hai bị cáo L và B thực hiện xong hành vi trộm tài sản là máy tính bảng của bị hại N, thì bị cáo Trần Văn Đ biết rõ máy tính bảng là do L và B trộm cắp mà có nhưng Đ vẫn đồng ý đem đi tiêu thụ với mục đích cùng sử dụng số tiền do bán tài sản trộm, nên đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo ở độ tuổi thanh niên có đủ sức lao động tạo của cải vật chất để phục vụ nhu cầu cá nhân, giúp ích gia đình, xã hội; nhưng do bản tính tham lam, lười lao động, nên các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhằm để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại vốn được pháp luật bảo vệ; mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang cho người dân tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc là cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, tuy có bàn bạc nhưng không có phân công, câu kết chặc chẽ. Bị cáo Lê P L với vai trò là người khởi xướng, rủ rê bị cáo B cùng thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, bị cáo L là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm tài sản. Bị cáo Lê N B giữ vai trò đồng phạm giúp sức xuyên suốt quá trình thực hiện tội phạm. Bị cáo Trần Văn Đ vì hám lợi mà chấp nhận tiêu thụ tài do bị cáo L và bị cáo B phạm tội mà có đem đi bán để có tiền sử dụng ma tuý; Do đó, cần căn cứ vào vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương ứng.

Đối với Trịnh T T mua máy tính bảng, Trần Đ H mua đồng hồ quả lắc, Lương T T nhận cầm xe môtô 02 bánh có gắn biển số 66L1-132.97, Lê Ngọc T chuộc xe có gắn biển số 66L1-132.97 nhưng đều không biết các tài sản này do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê P L, Lê N B bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình

sự, nhưng bị cáo Trần Văn Đ đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 26/QĐ-TA ngày 06/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, thời hạn là 18 tháng, Trần Văn Đ đang chấp hành kể từ ngày 19/3/2020, nên xem là có nhân thân xấu, cần xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo Đ.

Về tình tiết giảm nhẹ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên căn cứ vào các quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hai bị cáo khi quyết định hình phạt. Đồng thời, hai bị cáo L và bị cáo B đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bà N và anh H nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Văn T đã nhận lại xe có số máy FMH35A2C2208, số khung H8PD5A0C2208, không yêu cầu gì khác.

Bà Phạm Thị N đã nhận 1.900.000 đồng, anh Trần Đ Hđã nhận 1.100.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại của các bị cáo. Bà N và anh H không yêu cầu các bị cáo bồi thường tiếp, nên ghi nhận.

Số tiền 2.000.000 đồng của ông Trần Văn Đ đưa bị cáo B chuộc xe môtô gắn biển số 66L1-132.97 về cho Lê N T sử dụng, ông Đ không yêu cầu bị cáo B trả lại, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) đĩa ghi hình ảnh của đối tượng đột nhập vào nhà của bà Phạm Thị N trộm cắp tài sản vào ngày 14/02/2020, được niêm phong có dấu mộc đỏ của Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) giấy đăng ký xe môtô biển số 66L1-132.97 mang tên Đỗ Thị N; qua xác minh, bà N đã chuyển nhượng xe 66L1 – 132.97 (không nhớ người nhận chuyển nhượng và không sang tên) nên không có yêu cầu nhận lại, cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Xe mô tô biển số 66L1-132.97 bị cáo B điều khiển chở bị cáo Lộc đến trộm tài sản của bị hại N, bị cáo B đem bán cho người khác nhưng không biết họ tên, địa chỉ nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

- 01 (một) tấm ảnh màu kích thước 9x12.5cm hình đồng hồ quả lắc, mặt trước có hoa văn màu đỏ, mặt sau ảnh có chữ ký của bà Phạm Thị N (bút lục số 94). Hai tấm ảnh màu kích thước 9x12.5 cm hình 02 thanh niên tại tiệm điện T di động, trên tủ kính trưng bày có 01 Ipad vỏ màu trắng, mặt sau ảnh có chữ ký của Trịnh T T (bút lục 98, 98a), lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) đồng hồ quả lắc thùng bằng gỗ kích thước 75x35x18 cm mặt đồng hồ có ghi chữ Verntable West sminster, mặt đồng hồ không có kính bảo vệ, mặt trước có ốp kính hình hoa văn màu đỏ trắng, đồng hồ ngưng hoạt động. Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Phạm Thị N là đúng quy định pháp luật.

- 01 (một) xe môtô 02 bánh kiểu dáng wave màu đỏ, hiệu CUPFA, số máy FMH35A2C2208, số khung H8PD5A0C2208, xe gắn biển số 66L1-132.97, xe không có kính chiếu hậu. Qua điều tra xác định là xe 71B2-952.66, do Trần Văn R, sinh năm 1969, ngụ ấp T, xã Tân P T, huyện B, tỉnh Bến Tre đứng tên, ông R đã cho con ruột là Trần Văn T. Hiện đã trả xe cho anh T xong, tạm giữ biển số 66L1-132.97. Bảng biển số 66L1-132.97 không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- 01 (một) cái áo khoát màu đen loại của nam, trên ngực áo có sọc ngang màu vàng bên trên có ghi chữ NON-GRADA GLOBAL STREET VISION và 01 (một) cái bao nylon kích thước 85x58 cm màu trắng; là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị cần tịch thu tiêu huỷ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Tuyên bố bị cáo **Lê P L** và bị cáo **Lê N B** phạm tội: "Trộm cắp tài sản"; bị cáo **Trần Văn Đ** phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có";

1. *Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt bị cáo **Lê P L** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13 tháng 3 năm 2020.

- Xử phạt bị cáo **Lê N B** 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. *Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự;*

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 06 (sáu) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

II. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự;

- Ghi nhận việc bị cáo lê P L, bị cáo Lê N B tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại Phạm Thị N và Trần Đ H.

- Ghi nhận việc anh Trần Văn T đã nhận lại xe mô tô có số máy FMH35A2C2208, số khung H8PD5A0C2208, không yêu cầu gì khác.

- Ghi nhận việc ông Trần Văn Đ không yêu cầu bị cáo B hoàn trả số tiền chuộc xe mô tô là 2.000. 000 đồng.

III. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bảng biển số 66L1-132.97; 01 (một) cái áo khoát màu đen loại của nam, trên ngực áo có sọc ngang màu vàng bên trên có ghi chữ NON-GRADA GLOBAL STREET VISION và 01 (một) cái bao nylon kích thước 85x58 cm màu trắng (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang).

- Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa ghi hình ảnh của đối tượng đột nhập vào nhà của bà Phạm Thị N trộm cắp tài sản vào ngày 14/02/2020, được niêm phong có dấu mộc đỏ của Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; 01 (một) giấy đăng ký xe môtô biển số 66L1-132.97 mang tên Đỗ Thị N; 01 (một) tấm ảnh màu kích thước

9x12.5 cm hình đồng hồ quả lắc mặt sau ảnh có chữ ký của bà Phạm Thị N (bút lục số 94); 02 tấm ảnh màu kích thước 9x12.5cm mặt sau ảnh có chữ ký của Trịnh T T (bút lục 98, 98a).

IV. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê P L, bị cáo Lê N B, bị cáo Trần Văn Đ mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

V. Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp T.Tiền Giang;
- VKSND H. Châu Thành;
- Công an H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Đỗ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ